

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2010 – 2011 Môn thi : TIẾNG PHÁP - Khóa ngày 21/06/2010 Thời gian làm bài : 60 phút (Không kể thời gian giao đề) (Đề thi này gồm 4 trang)							
ĐỀ CHÍNH THỨC		Chữ ký giám thị 1		Chữ ký giám thị 2		Số thứ tự bài			
Họ và tên thí sinh: _____ Trường: _____ Số báo danh: _____						Mật mã bài thi			
Điểm bằng số		Điểm bằng chữ		Chữ ký giám khảo 1		Chữ ký giám khảo 2		Số thứ tự bài	
								Mật mã bài thi	

A. ĐỌC HIỂU						B. KIẾN THỨC NGỮ PHÁP					TỔNG ĐIỂM
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	

ĐỌC HIỂU (4đ)

Hãy đọc bài khoá sau để trả lời các câu hỏi dưới đây :

Sport et argent

Anne Bermondi est sportive : elle fait de la bicyclette et du jogging, joue au football et achète le journal “l'Équipe” pour y lire les résultats des matchs de la semaine.

Elle aime trop le sport pour accepter que les spectateurs soient “chauvins”¹. Ce qu'elle n'accepte pas non plus, ce sont les rapports entre les sports et l'argent : par exemple les paris² ... on trouve dans de nombreux pays des paris concernant le sport. En France, existent “le tiercé ” (concernant les courses de chevaux) et le “loto sportif ” (en rapport avec les résultats de matchs, surtout de football).

Certains parieurs³ espèrent avoir de la chance et choisissent les numéros d'après leur date de naissance, ou l'âge de leurs enfants, ou le numéro d'immatriculation⁴ de leur voiture ! D'autres parieurs pensent avoir plus de chances en choisissant leurs numéros d'après ce qu'ils savent des chevaux.

Mais il faut dire que, en fait, tout dépend surtout du hasard !

Chú thích :

- 1 – Spectateurs ... chauvins : cổ động viên quá khích
- 2 – Pari (n.) : cuộc cá độ
- 3 – Parieur (n) : người cá độ
- 4 – Numéro d'immatriculation : số đăng ký xe
- 5 – Concernant : liên quan đến

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

QUESTIONNAIRE :

1 – Quels sports Anne Bermondi pratique - t - elle ? **(0,75đ)**

.....

.....

.....

2 – Où peut – elle lire les résultats des matchs de la semaine ? **(0,5đ)**

.....

.....

3 – Est-ce qu'elle aime les spectateurs “chauvins” ? **(0,5đ)**

.....

.....

4 – D’après le texte, quels sont les paris concernant le sport en France ? **(0,5đ)**

.....

.....

.....

.....

5 – Comment les parieurs choisissent-ils les numéros ? **(1pt)**

.....

.....

.....

~~THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY~~

6 – Quelle est l'attitude de Anne Bermondi à l'égard des paris ? (0,75đ)

.....
.....

B. KIẾN THỨC NGŨ PHÁP (6đ)

I/ Trả lời các câu hỏi sau bằng cách dùng đại từ nhân xưng (pronom personnel) thay cho các từ được gạch dưới : (1đ)

1 – As – tu téléphoné à tes amis français ?

- Oui, je

2 – A – t – il participé à un programme télévisé ?

- Non, il

3 – Mireille Dumas présentera – t – elle son dernier livre le mois prochain aux lecteurs ?

- Oui, elle

4 – Se souviennent – ils encore de leurs dernières vacances ?

- Non, ils

II/ Điền đại từ liên hệ (pronom relatif) vào các câu sau : (1đ)

1 – Emportez seulement les livres nous n'avons plus besoin .

2 – C'est l'île de Santorin je rêve de passer mes vacances .

3 – Pour mettre en marche l'ordinateur vous avez acheté , appuyez sur la touche rouge est située sur la gauche de l'appareil pas sur la touche noire.

~~THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY~~

III/ Chuyển các câu sau sang dạng bị động (voix passive) : (1đ)

1 – Le collègue organisera des réunions d'orientation pour les élèves de troisième.

.....
.....

2 – On a construit un grand immeuble dans ce quartier.

.....
.....

IV/ Thay thế phần gạch dưới của các câu sau bằng một nhóm danh từ (groupe nominal) : (1,5đ)

1 – Bien qu'elle soit rare, l'eau est souvent mal employée.

.....
.....

2 – Je fais ce travail pour que mes enfants soient heureux.

.....
.....

3 – Nous ne sortons pas parce qu'il fait froid dehors.

.....
.....

V/ Hãy chia các động từ trong ngoặc đơn ở thì (temps) và thức (mode) thích hợp : (1,5đ)

1 – Je ne suis pas certain que la tempête (détruire) toutes les récoltes.

2 – Hier, quand nous sommes arrivés chez lui, il (déjà partir)

3 – Maintenant, il (ne faire plus de sport) mais avant , il était très sportif.

---- HẾT----